

# BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

|                |                |
|----------------|----------------|
| Tên thương mại | SHL WHITE 200K |
|----------------|----------------|

## 1. SẢN PHẨM HÓA CHẤT VÀ NHẬN DẠNG CÔNG TY

Tên thương mại SHL WHITE 200K

Đặc điểm chung Dầu hydrocarbon thơm

Ứng dụng Dầu tẩy rửa

Tên và địa chỉ nhà sản xuất

SHL ASEAN CO., LTD.

Địa chỉ: Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

TEL: +84(0) 2543 876 287 - Fax: +84(0) 2543 876 288

Tên nhà cung cấp SHL ASEAN CO., LTD.

Bộ phận Phòng kỹ thuật

## 2. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

### PHÂN LOẠI NGUY HIỂM

Chất lỏng dễ cháy. Loại 3

Kích ứng da. Loại 2

Kích ứng mắt. Loại 2

Độc tính hô hấp. Loại 1

### YẾU TỐ NHÃN DÁN

Biểu tượng GHS



Từ chỉ dấu hiệu

Nguy hiểm

### Báo cáo nguy hiểm

H226: Chất lỏng và hơi dễ cháy

H315: Gây kích ứng da

H319: Gây kích ứng nghiêm trọng tới mắt

H304: Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp

### Báo cáo biện pháp phòng ngừa

#### Ngăn ngừa

P210: Tránh xa nguồn nhiệt /tia lửa /ngọn lửa /bề mặt nóng. - Không hút thuốc.

P233: Giữ thùng chứa đóng chặt kín.

P240: Đặt/Buộc các thùng chứa và các thiết bị nhận.

P241: Sử dụng các thiết bị điện /thông gió /ánh sáng /... chống cháy nổ.

P242: Chỉ sử dụng các công cụ không phát tia lửa.

P243: Thực hiện các biện pháp phòng ngừa chống hiện tượng phóng tĩnh.

P264: Rửa tay và cơ thể của bạn thật kỹ sau khi xử lý.

P280: Mang găng tay bảo vệ /quần áo bảo hộ /kính bảo hộ /mặt nạ bảo hộ.

#### Biện pháp đối phó

P321: Điều trị cụ thể (xem ... trên nhãn này).

P331: KHÔNG gây nôn mửa.

P362: Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi tái sử dụng.

P301 + P310: NẾU NUỐT PHẢI: Ngay lập tức gọi trung tâm giải độc hoặc bác sĩ / y sĩ.

P302 + P352: NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa bằng nhiều xà phòng và nước.  
P332 + P313: Nếu kích ứng da xảy ra: Nhận tư vấn y tế /theo dõi.  
P337 + P313: Nếu kích ứng mắt vẫn tồn tại: Nhận tư vấn y tế /theo dõi.  
P370 + P378: Trong trường hợp cháy: Sử dụng ... Dập tắt.  
P305 + P351 + P338: NẾU VÀO MẮT: Rửa sạch cẩn thận bằng nước trong vài phút.  
Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và để làm. Tiếp tục rửa.

#### **Lưu trữ**

P405: Lưu trữ trong kho có khóa.  
P403+P235: Lưu trữ ở nơi thông gió tốt. Giữ mát.

#### **Xử lý**

P501: Xử lý các chất/ thùng chứa theo các quy tắc và các quy định hiện hành.

#### **CÁC MỐI NGUY HIỂM KHÁC**

##### **Nguy hiểm đối với sức khỏe**

Có thể gây kích ứng tới mắt, mũi, họng và phổi.

Phơi nhiễm nhiều lần có thể gây khô hay nứt da.

##### **Chỉ số NFPA**

Sản phẩm chưng cất nhẹ đã xử lý hydro : Sức khỏe cộng đồng :1, Cháy : 2, Phản ứng : 0

### **3.THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN**

| <b>Nhận danh hóa chất</b>             | <b>Đồng danh</b>                                   | <b>Số CAS</b> | <b>Nồng độ (%)</b> |
|---------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------|--------------------|
| Sản phẩm chưng cất nhẹ đã xử lý hydro | Các sản phẩm chưng cất (dầu mỏ) nhẹ đã xử lý hydro | 64742-47-8    | 100                |

### **4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU**

#### **MÔ TẢ CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU**

##### **Dính vào mắt**

Rửa sạch với nước.

Nếu kích ứng xảy ra, nhận trợ giúp y tế.

Tháo bỏ kính áp tròng, nếu có và dễ dàng làm. Tiếp tục rửa.

Nếu mắt vẫn tiếp tục đỏ ngứa và sung huyết, nhận điều trị y tế.

##### **Dính vào da**

Rửa vùng tiếp xúc với xà phòng và nước.

Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn.

Giặt sạch quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại.

Nếu sự kích ứng da vẫn tiếp tục, nhận điều trị y tế.

##### **Hít phải**

Di chuyển ra xa nơi tiếp xúc.

Đối với những người hỗ trợ, tránh để bị nhiễm tới mình hoặc những người khác.

Sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp thích hợp.

Nếu bị kích ứng hệ hô hấp, chóng mặt, buồn nôn, hoặc bất tỉnh xảy ra, tìm kiếm sự trợ giúp y tế ngay lập tức.

Nếu ngưng thở, hỗ trợ thông khí với một thiết bị hoặc hô hấp nhân tạo để làm tỉnh lại.

##### **Nuốt phải**

Tìm sự chăm sóc y tế ngay lập tức.

Nếu kích ứng xảy ra, nhận trợ giúp y tế.

Ngăn nôn mửa. Nếu bị nôn mửa, giữ đầu thấp hơn hông để ngăn sự tắt nghẽn lưu thông khí.

#### **TRIỆU CHỨNG VÀ TÁC ĐỘNG QUAN TRỌNG NHẤT, CẤP VÀ MÃN TÍNH**

Nhức đầu, chóng mặt, buồn ngủ, buồn nôn và các ảnh hưởng thần kinh trung ương khác.

Da bị đỏ, khô nứt.

### **CHỈ DẪN CHĂM SÓC Y TẾ KHẨN CẤP VÀ ĐIỀU TRỊ ĐẶC BIỆT KHI CẦN**

Nếu nuốt phải, vật liệu có thể bị hít vào phổi và gây viêm phổi do hóa chất.

Điều trị đúng cách.

---

## **5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY**

---

### **PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY**

**Phương tiện dập lửa phù hợp :** Hóa chất khô, carbon dioxide, nước phun sương, bột bình thường.

**Phương tiện chữa cháy không thích hợp:** Xối thẳng dòng nước.

### **CHẤT NGUY HIỂM SINH RA TRONG QUÁ TRÌNH ĐỐT CHÁY**

Khói, hơi khói, các sản phẩm cháy không hoàn toàn, các oxit của cacbon.

### **HƯỚNG DẪN CHỮA CHÁY**

Sơ tán khu vực.

Ngăn chặn dòng cháy lan từ việc kiểm soát lửa hoặc sự pha loãng vào suối, cống hoặc nguồn nước uống.

Các nhân viên cứu hỏa nên sử dụng thiết bị bảo hộ tiêu chuẩn và trong không gian khép kín, sử dụng thiết bị thở khép kín (SCBA).

Tắt tất cả các nguồn nhiên liệu nếu có thể.

Dùng bình xịt nước để làm nguội các bề mặt tiếp xúc với lửa và để bảo vệ nhân viên.

### **HƯỚNG DẪN CHỮA CHÁY**

**Điểm chớp cháy [phương pháp]:** 54 °C (ASTM D93)

**Trên/dưới giới hạn cháy (thể tích % xấp xỉ trong không khí):** Không có dữ liệu

**Nhiệt độ tự bốc cháy:** >238 °C

---

## **6. BIỆN PHÁP THOÁT KHỎI TAI NẠN**

---

### **THẬN TRỌNG CÁ NHÂN, THIẾT BỊ BẢO VỆ VÀ THỦ TỤC CẤP CỨU**

#### **Thủ tục thông báo**

Trong trường hợp có sự cố tràn hoặc rò rỉ, thông báo cho cơ quan chức năng có liên quan với các quy định hiện hành.

#### **BIỆN PHÁP BẢO VỆ**

Tránh xa nguồn nhiệt/ tia lửa/ lửa/ bề mặt nóng. Không hút thuốc

Tránh hít phải bụi, khói, khí, sương, hơi, sương phun.

Tránh tiếp xúc với các chất bị đổ ra. Cảnh báo hoặc sơ tán người cư ngụ ở xung quanh và khu vực theo hướng gió thổi nếu yêu cầu, do độc tính hoặc tính dễ cháy của vật liệu. Xem Phần 5 để biết thông tin chữa cháy.

Xem các mục Xác định nguy cơ đối với các mối nguy hại đáng kể. Xem Phần 4 để có lời khuyên về sơ cứu.

Xem Phần 8 cho lời khuyên về các yêu cầu tối thiểu cho các thiết bị bảo hộ cá nhân.

Các biện pháp bảo vệ bổ sung có thể cần thiết, tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể và / hoặc sự đánh giá chuyên gia của các phản ứng khẩn cấp.

Đối với phản ứng khẩn cấp: Bảo vệ hô hấp: sử dụng mặt nạ chống độc nửa mặt hoặc toàn bộ mặt với bộ lọc cho hơi hữu cơ, và khi có thể áp dụng, H<sub>2</sub>S, hoặc thiết bị thở khép kín (SCBA) có thể được sử dụng tùy thuộc vào mức độ của việc tràn dầu và mức độ tiềm năng tiếp xúc.

Nếu sự phơi nhiễm không thể định rõ đặc điểm hoàn toàn hay có thể không khí thiếu oxy hoặc dự đoán trước điều đó, khuyến nghị sử dụng thiết bị thở kín. Găng tay làm việc chống hydrocacbon thơm được khuyến nghị.

Lưu ý: găng tay làm bằng polyvinyl acetate (PVA) không thấm nước và không thích hợp cho sử dụng khẩn cấp.

Kính bảo hộ chống hóa chất được khuyến nghị nếu bị bắn vào hoặc tiếp xúc với mắt.

Sự cố tràn nhỏ: mặc quần áo làm việc chống tĩnh điện phù hợp.

Sự cố tràn lớn: toàn bộ cơ thể mặc đồ chống hóa chất, vật liệu chống tĩnh điện được khuyến cáo

### **CHÚ Ý BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**Sự cố tràn lớn:** Đắp đê xa trước sự cố chất lỏng tràn ra để phục hồi và xử lý sau này. Ngăn ngừa dòng chất lỏng chảy vào các nguồn nước, hệ thống cống rãnh, tầng hầm hoặc khu vực kín.

#### **PHƯƠNG PHÁP VÀ VẬT LIỆU ĐỂ NGĂN CHẶN VÀ LÀM SẠCH**

**Tràn trên mặt đất:** Dùng rò rỉ nếu có thể mà không có rủi ro. Hấp thụ hoặc phủ bằng đất khô, cát hoặc vật liệu không dễ cháy khác và chuyển đến thùng chứa. Khôi phục bằng cách bơm hoặc thiết bị hút phù hợp.

**Tràn nước:** Dùng rò rỉ nếu có thể mà không có rủi ro. Cảnh báo các tàu khác. Loại bỏ khỏi bề mặt bằng cách lau hoặc với chất hấp thụ thích hợp. Tìm kiếm lời khuyên của chuyên gia trước khi sử dụng chất phân tán.

### **7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN**

#### **CHÚ Ý TRONG XỬ LÝ AN TOÀN**

Tránh xa nguồn nhiệt /tia lửa /lửa /bề mặt nóng. Không hút thuốc.

Rửa tay và cơ thể của bạn thật kỹ sau khi xử lý.

Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân theo yêu cầu.

Không làm nóng, gây áp lực, cắt, hàn, hàn gia nhiệt, khoan, mài thùng chứa rỗng.

Tránh tiếp xúc với da. Ngăn chặn sự cố tràn nhỏ và rò rỉ để tránh trơn trượt nguy hiểm.

Chất liệu có thể tích tụ tĩnh điện có thể gây ra tia lửa điện (nguồn đánh lửa).

Khi vật liệu được xử lý với lượng lớn, tia lửa điện có thể bắt lửa bất kỳ hơi dễ cháy từ các chất tồn dư có thể có (ví dụ, trong các hoạt động chuyển tải hàng).

Sử dụng đúng quy trình liên kết và /hoặc nối đất thích hợp. Tuy nhiên, việc liên kết và nối đất có thể không loại bỏ các mối nguy hiểm từ sự tích tụ tĩnh.

Đóng thùng chứa lại khi không sử dụng.

Không sử dụng khí nén để đổ đầy, tháo ra hay xử lý.

Không cắt, khoan, mài, hàn hay thực hiện thao tác tương tự trên hoặc gần các thùng chứa.

**Nhiệt độ tải hàng/ dỡ hàng:** Nhiệt độ môi trường xung quanh.

**Nhiệt độ vận chuyển:** Nhiệt độ môi trường xung quanh.

**Áp suất khí vận chuyển:** Áp suất môi trường xung quanh.

#### **ĐIỀU KIỆN ĐỂ LƯU TRỮ AN TOÀN**

Đóng kín thùng chứa. Xử lý thùng chứa cẩn thận. Mở từ từ để có thể điều chỉnh áp suất thoát ra.

Lưu trữ ở nơi mát, thông thoáng. Các thùng chứa lưu trữ phải được nối đất và giữ chặt. Các thùng chứa giữ cố định, thùng chứa đem chuyển và thiết bị liên kết nên được nối đất và giữ chặt để ngăn chặn sự tích tụ tĩnh điện. Lưu trữ các chất theo các quy tắc và các quy định hiện hành.

Lưu trữ các chất ở nơi thoáng mát, thông gió tốt.

Niêm phong các thùng chứa và không tác động vật lý lên thùng chứa.

**Nhiệt độ bảo quản:** Nhiệt độ môi trường xung quanh.

**Áp suất bảo quản:** Áp suất môi trường xung quanh.

### **8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN**

#### **GIỚI HẠN PHƠI NHIỄM NGHỀ NGHIỆP**

| Nhận danh hóa chất                    | Giới hạn phơi nhiễm                   | Luật kiểm soát ACGIH                  | Giới hạn phơi nhiễm sinh học |
|---------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------|
| Sản phẩm chưng cất nhẹ đã xử lý hydro | TWA : 200 mg/m <sup>3</sup> (trên da) | TWA : 200 mg/m <sup>3</sup> (trên da) | Không có dữ liệu             |

#### **KIỂM SOÁT KỸ THUẬT**

Thông gió phù hợp nên được cung cấp để giới hạn tiếp xúc không vượt quá mức.

Sử dụng thiết bị thông gió chống nổ.

Kiểm tra nếu tiếp xúc đúng như trong các tiêu chuẩn tiếp xúc.

#### **BẢO VỆ CÁ NHÂN**

Lựa chọn thiết bị bảo hộ cá nhân thay đổi dựa trên điều kiện phơi nhiễm tiềm năng như các ứng dụng, thực hành xử lý, tập trung và thông gió. Thông tin về việc lựa chọn thiết bị bảo vệ sử dụng với chất liệu này, như đã cung cấp dưới đây, dựa trên mục tiêu, sử dụng bình thường.

#### **Bảo vệ đường hô hấp**

Mặt nạ là cần thiết nếu chất lỏng này thường được sử dụng hoặc tiếp xúc quá mức.

#### **Bảo vệ mắt**

Đeo tấm che mặt mà có thể đeo được kính bảo hộ an toàn, để bảo vệ từ tán xạ vật liệu hoặc chất lỏng độc hại. Lắp đặt hệ thống rửa phun cho mắt và hệ thống rửa khăn cấp trong các phòng tắm gần nơi làm việc.

#### **Bảo vệ tay**

Mang găng tay chống hóa chất.

#### **Bảo vệ cơ thể**

Mặc quần áo bảo hộ chống hóa chất.

---

### **9. THÔNG TIN LÝ HÓA**

---

|                                      |                                      |
|--------------------------------------|--------------------------------------|
| <b>Nhận dạng</b>                     | Chất lỏng không màu trong suốt       |
| <b>Mùi</b>                           | Hydrocarbon odor                     |
| <b>pH</b>                            | N/A                                  |
| <b>Điểm nóng chảy/ Điểm đông đặc</b> | < -30.0 °C                           |
| <b>Điểm sôi</b>                      | 170 ~ 200 °C                         |
| <b>Điểm chớp cháy</b>                | 54 °C (ASTM D93)                     |
| <b>Sự Oxi hóa</b>                    | Ổn định ở nhiệt độ và áp suất thường |
| <b>Tính dễ cháy</b>                  | 5.5 / 0.6 %                          |
| <b>Sự cháy nổ</b>                    | Ổn định ở nhiệt độ và áp suất thường |
| <b>Áp suất hơi</b>                   | < 10 mmHg @ 20 °C                    |
| <b>Độ hòa tan trong nước</b>         | Không hòa tan trong nước             |
| <b>Mật độ hơi</b>                    | > 1 (Air=1)                          |
| <b>Trọng lượng riêng</b>             | 0.790 (15/4 °C)                      |
| <b>Hệ số phân phối</b>               | 3.3-6                                |
| <b>Nhiệt độ tự bốc cháy</b>          | > 238°C @ 1013hPa                    |
| <b>Nhiệt độ phân hủy</b>             | Không có dữ liệu                     |
| <b>Độ nhớt</b>                       | 1.15 cSt (40°C)                      |
| <b>Trọng lượng phân tử</b>           | Không có dữ liệu                     |

---

### **10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ HOẠT TÍNH**

---

#### **Độ ổn định hóa học**

Vật liệu ổn định dưới điều kiện thường. Vật liệu không phân hủy trong nhiệt độ môi trường xung quanh.

#### **Khả năng sinh ra các phản ứng nguy hiểm**

Không mong đợi.

#### **Điều kiện và các chất cần tránh**

Tất cả các nguồn phát lửa và nhiệt quá mức, và chất oxy hóa mạnh.

#### **Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm**

Các sản phẩm phân hủy nhiệt. Có thể bao gồm các hợp chất carbon độc hại (ví dụ CO).

---

### **11. THÔNG TIN CÁC CHẤT ĐỘC HẠI**

---

#### **THÔNG TIN NGUY CƠ KHẨN CẤP & NGUY HẠI**

##### **Hít phải**

Hít phải hơi có thể gây kích ứng đường hô hấp và mắt, có thể gây đau đầu và chóng mặt, gây mê và có thể ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương khác.

#### **Dính vào mắt**

Có thể gây kích ứng.

#### **Dính vào da**

Có thể gây kích ứng nhẹ. Kéo dài và /hoặc lặp đi lặp lại trên da với các vật liệu có độ nhớt thấp có thể gây kích ứng và viêm da.

#### **Nuốt phải**

Một lượng nhỏ chất lỏng được hút vào phổi khi nuốt vào hoặc nôn có thể gây viêm phổi hoặc phù phổi.

#### **THÔNG TIN ĐỘC TÍNH**

|                                                           |                                                                              |
|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Độc tính cấp tính đường miệng</b>                      | LD50 > 5000 mg/kg Thử nghiệm trên chuột                                      |
| <b>Độc tính cấp tính qua da</b>                           | LD50 > 2000 mg/kg Thử nghiệm trên thỏ                                        |
| <b>Độc tính cấp tính khi hít phải</b>                     | LC50>3mg/L/4h sừng                                                           |
| <b>Kích ứng da</b>                                        | Có thể gây kích ứng da.                                                      |
| <b>Kích ứng mắt</b>                                       | Có thể gây kích ứng mắt nhẹ.                                                 |
| <b>Mẫn cảm với da</b>                                     | Không áp dụng                                                                |
| <b>Độc tính cấp tính</b>                                  | Không có dữ liệu                                                             |
| <b>Độc tính liều lặp đi lặp lại</b>                       | Không có dữ liệu                                                             |
| <b>Đột biến gen</b>                                       | Không áp dụng                                                                |
| <b>Ảnh hưởng đến thế hệ tiếp theo (Độc tính sinh sản)</b> | Không áp dụng                                                                |
| <b>Tính gây ung thư</b>                                   | Không áp dụng                                                                |
| <b>Độc tính cơ quan đích cụ thể</b>                       | Có thể gây ra tác dụng kích ứng hô hấp và ảnh hưởng đến thần kinh trung ương |
| <b>Lời khuyên bổ sung</b>                                 | Phơi nhiễm nhiều lần có thể làm giảm lượng mỡ dưới da và dẫn đến viêm da.    |

Nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp, có thể gây viêm phổi nghiêm trọng do hóa chất.

---

## **12.THÔNG TIN SINH THÁI**

---

### **ĐỘC TÍNH THỦY SINH VÀ ĐỘC TÍNH SINH THÁI**

#### **Độc tính thủy sinh và mãn tính**

Người ta cho rằng chất này không độc hại cho sinh vật dưới nước.

#### **LAN TRÊN ĐẤT**

Hòa tan thấp và nổi và dự kiến sẽ di chuyển từ nước sang đất.

Dự kiến gắn đất và các chất thải rắn.

#### **PHÂN HỦY SINH HỌC**

Không được cho là dễ phân hủy sinh học.

**KHẢ NĂNG TÍCH LŨY SINH HỌC:** Không có dữ liệu

---

## **13. XEM XÉT XỬ LÝ**

---

### **QUY ĐỊNH CỦA VIỆC QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

Phân loại theo như chất thải quy định.

#### **PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ CHẤT THẢI**

Xử lý theo hệ thống tự xử lý hợp pháp hay thông qua công ty xử lý chất thải.

#### **CHÚ Ý KHI XỬ LÝ**

Thực hiện theo các tiêu chí chi tiết của Luật Kiểm soát Chất thải.

#### **Cảnh báo thùng chứa rỗng**

Các thùng chứa rỗng có thể chứa chất dư thừa và có thể nguy hiểm.

Không cố làm đầy hay làm sạch các thùng chứa khi không có các hướng dẫn thích hợp.

Các thùng phi trống nên trút hết nước và lưu trữ an toàn cho tới khi sửa chữa lại hay xử lý.

Các thùng phi trống nên đưa vào tái chế, phục hồi, hay xử lý thông qua nhà thầu có chất lượng phù hợp hay đã có giấy phép và theo các quy định của nhà nước.

KHÔNG TẠO ÁP LỰC, CẮT, HÀN, KHOAN, XAY, MÀI HAY ĐỂ THÙNG CHỨA TIẾP XÚC VỚI NHIỆT, LỬA, TIA LỬA ĐIỆN, ĐIỆN TĨNH HOẶC CÁC NGUỒN BẮT LỬA KHÁC. NHỮNG VIỆC ĐÓ CÓ THỂ GÂY BỊ THƯƠNG HOẶC TỬ VONG

---

#### 14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

---

**Phân loại và quy định theo Luật vận chuyển và lưu trữ trên tàu theo Luật an toàn tàu biển**

**đối với chất nguy hiểm**

Quy định : Chất lỏng dễ cháy

**Chú ý trong vận chuyển**

Tránh xa nguồn nhiệt /tia lửa /ngọn lửa /bề mặt nóng. - Không hút thuốc.

**Ô nhiễm biển**

Không có dữ liệu

**Phân loại và Quy định Theo Luật Giao thông Vận tải**

**IMDG (TRÊN BIỂN)**

Tên nhà vận chuyển: PETROLEUM DISTILLATES, N.O.S.

Phân loại nguy hiểm : 3 (Chất lỏng dễ cháy)

Số EMS: F-E, S-E

Số UN : 1268

Nhóm đóng gói : III

Nhãn: 3

**DOT (TRÊN MẶT ĐẤT)**

Tên nhà vận chuyển: PETROLEUM DISTILLATES, N.O.S.

Phân loại nguy hiểm : 3 (Chất lỏng dễ cháy)

ID Number : 1268

Nhóm đóng gói : III

Số ERG : 128

Nhãn: 3

---

#### 15. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH

---

**Luật Kiểm soát chất độc hại** Không áp dụng

**Luật Kiểm soát an toàn khí áp cao** Không áp dụng

**Luật kiểm soát chất thải** Phân loại theo chất thải đã quy định.

**Luật về quản lý an toàn hàng nguy hiểm**

Loại dầu thứ hai thuộc loại chất độc hại thứ tư.

**Quy định theo luật nước ngoài**

USA : CERCLA : Không áp dụng

OSHA : Không áp dụng

EPCRA 302 : Không áp dụng

EPCRA 304 : Không áp dụng

EPCRA 313 : Không áp dụng

EU : Phân loại thông tin : Xn

Nhóm từ rủi ro: R65 Có hại: có thể gây tổn hại phổi nếu nuốt phải.

Nhóm từ an toàn: S2 Để xa tầm tay trẻ em.

S23 Không hít khí /khói /hơi /phun.

S24 Tránh tiếp xúc với da.

S62 Nếu nuốt phải, không gây ói mửa: tìm tư vấn y tế ngay và đưa cho thấy thùng chứa hay nhãn.

---

## 16. THÔNG TIN KHÁC

---

### Nguồn

Các dữ liệu nguyên vật liệu của các phòng thí nghiệm của chúng tôi, Cơ quan Sức khỏe và an toàn nghề nghiệp Hàn Quốc và nhà cung cấp nguyên vật liệu thô.

### Viết ngày

19/04/2005

### Số lần sửa đổi. Sửa đổi lần cuối ngày

Rev. 10

15/06/2021

### Tài liệu tham khảo khác

Các thông tin và khuyến nghị ở đây là kiến thức tốt nhất và niềm tin của chúng tôi, chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày ban hành. Các thông tin và khuyến nghị được cung cấp cho người sử dụng xem xét, kiểm tra. Đó là trách nhiệm của người sử dụng để đáp ứng rằng sản phẩm là phù hợp cho mục đích sử dụng. Nếu người mua đóng gói lại sản phẩm này, trách nhiệm của người mua là đảm bảo phù hợp sức khỏe, an toàn và các thông tin cần thiết khác đính kèm trên thùng chứa. Các thủ tục xử lý an toàn và cảnh báo phù hợp nên được cung cấp cho người xử lý và người sử dụng. Nghiêm cấm việc thay đổi tài liệu này. Trừ trường hợp pháp luật yêu cầu, không được phép công bố lại hoặc truyền lại toàn bộ hay một phần tài liệu này. Nếu bạn mua sản phẩm để cung cấp cho bên thứ ba để sử dụng ở nơi làm việc, trách nhiệm của bạn là nắm rõ các bước cần thiết để đảm bảo rằng bất cứ ai xử lý hoặc sử dụng sản phẩm được cung cấp đầy đủ thông tin trong bảng này. Nếu bạn là chủ, trách nhiệm của bạn là nói cho nhân viên và những người khác có thể bị ảnh hưởng bởi bất kỳ nguy hiểm đã được mô tả trong bảng này và của bất kỳ sự phòng ngừa nên được nắm rõ.